

PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
- Vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

HS: 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình.

GV: 4 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi: ĐÓ BẠN

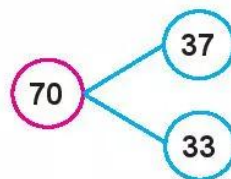
GV đưa sơ đồ tách – gộp số (hoặc ba số gia đình – ba số tạo thành phép tính cộng hay trừ).

HS chơi theo nhóm bốn: viết bốn phép tính (+; -) vào bảng con (1 phép tính/HS).

Ví dụ: GV đưa

37; 33; 70

hoặc:



HS viết

$$37 + 33 = 70$$

$$33 + 37 = 70$$

$$70 - 33 = 37$$

$$70 - 37 = 33$$

Nhóm nào có nhiều lần đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 100

Có thể tiến hành tương tự bài “Phép trừ có số bị trừ là số tròn chục”.

Có thể giúp HS vận dụng cách thực hiện phép trừ ở bài trước, thực hiện các phép trừ ở bài này dưới hình thức:

Chia lớp thành hai đội, mỗi đội thực hiện một phép tính ở phần bài học.

Thực hiện phép tính (đặt tính, tính).

Dùng ĐDHT minh họa cách tính, đặc biệt giải thích “nhớ 1”, “thêm 1”.

2. Thực hành

– HS quan sát tổng quát, nhận biết cả 4 phép trừ đều có nhớ (do phép trừ các số đơn vị là trừ qua 10 trong phạm vi 20).

– HS nhắc lại cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).

– GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu, nhận biết** yêu cầu: **Tính**.

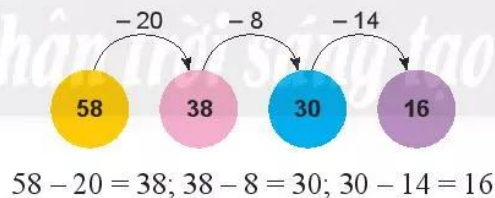
– HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– Sửa bài, GV khuyến khích HS **nói** cách thực hiện (ví dụ: bớt để được số tròn chục rồi bớt tiếp).

Bài 2:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu, nhận biết** yêu cầu rồi **thực hiện**.

Khuyến khích HS đọc các phép tính theo thứ tự thực hiện.

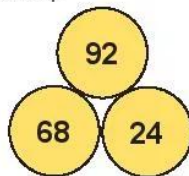


Bài 3:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** mẫu, **nhận biết** yêu cầu rồi **thực hiện**.

Khuyến khích HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách – gộp số.

Mở rộng: mối liên hệ cộng trừ, giúp HS **nhận biết** cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ. Ví dụ:



$$\begin{array}{l} 68 + 24 = 92 \\ \swarrow \quad \searrow \\ \downarrow \\ 92 - 24 = 68 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 68 + 24 = 92 \\ \swarrow \quad \searrow \\ \downarrow \\ 92 - 68 = 24 \end{array}$$

Từ sơ đồ trên, giúp HS nhận biết tổng trong phép cộng chính là số bị trừ trong phép trừ; các số hạng trong phép cộng sẽ lần lượt là số trừ và hiệu trong phép trừ.

Bài 4:

– **Tìm hiểu** mẫu, nhận biết: vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm số thích hợp thay cho dấu “?” (có thể dựa vào nội dung vừa tìm hiểu ở bài 3 để tính).

Bài 5:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “tính rồi so sánh với 50” để vớt cá.
- HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và **thực hiện** rồi nói kết quả.
- Khi sửa bài, HS trình bày cách làm.

Bài 6:

– HS nhóm đôi **thảo luận** và **thực hiện** theo bốn bước. HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có giải thích vì sao chọn phép tính trừ).

Bài 7:

– Nhóm đôi HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

Yêu cầu của bài: **xếp hình con cá**.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **gọi tên các hình đã dùng để xếp con cá** (vừa nói vừa chỉ vào hình).

* Lưu ý: HS có thể xếp các hình khác với hình trong SGK, miễn là xếp con cá theo đúng yêu cầu của bài.

CÙNG CỐ

GV nêu phép tính, HS làm bảng con.

Ví dụ: $38 - 29$; $75 - 8$;...